

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích trong lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ- TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 71/TTr-SKHĐT, ngày 13 tháng 8 năm 2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích trong lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (có Phụ lục 01, Phụ lục 02, Phụ lục 03 kèm theo).

**Điều 2.** Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện, thành phố và UBND xã, phường, thị trấn phối hợp với Bưu điện tỉnh, huyện, xã thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích theo đúng quy định tại Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Hành chính công tỉnh, Bưu điện tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành phố; Chủ tịch UBND xã, phường thị trấn; các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, VPCP;
- Lưu: VT, KSTT.

**Bản điện tử:**

- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- + CVP, các PVP UBND tỉnh;
- + TH, Trung tâm thông tin.



**Phụ lục 1**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN/KHÔNG THỰC HIỆN  
TIẾP NHẬN HỒ SƠ, TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT QUA DỊCH VỤ BƯU  
CHÍNH CÔNG ÍCH CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**



*Được ban hành kèm theo Quyết định số 1325 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2018  
của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)*

STT	Tên thủ tục hành chính	Tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích	
		Thực hiện	Không thực hiện
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP</b>		
	<b>Mục 1. Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp</b>		
1	1 Đăng ký thành lập Doanh nghiệp tư nhân	x	
2	2 Đăng ký thành lập Công ty TNHH một thành viên	x	
3	3 Đăng ký thành lập Công ty TNHH hai thành viên trở lên	x	
4	4 Đăng ký thành lập Công ty cổ phần	x	
5	5 Đăng ký thành lập Công ty hợp danh	x	
6	6 Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với DNTN, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	x	
7	7 Đăng ký đổi tên doanh nghiệp(đối với DNTN, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	x	
8	8 Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	x	
9	9 Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty TNHH, công ty cổ phần	x	
10	10 Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp(Đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	x	
11	11 Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	x	
12	12 Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức	x	

13	13	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước.	x	
14	14	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế	x	
15	15	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty TNHH hai thành viên trở lên	x	
16	16	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp	x	
17	17	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác	x	
18	18	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích	x	
19	19	Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác	x	
20	20	Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	x	
21	21	Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	x	
22	22	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần	x	
23	23	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	x	
24	24	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế	x	
25	25	Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo ủy quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	x	

26	26	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)([1])	x	
27	27	Thông báo sử dụng, thay đổi, hủy mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	x	
28	28	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước(đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	x	
29	29	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài(đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	x	
30	30	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện(đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	x	
31	31	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thay thế cho nội dung đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động.	x	
32	32	Thông báo lập địa điểm kinh doanh(đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	x	
33	33	Thông báo lập địa điểm kinh doanh(đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	x	
34	34	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh(đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	x	
35	35	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện(đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	x	
36	36	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh(đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	x	

37	37	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng	x	
38	38	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)	x	
39	39	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân	x	
40	40	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên từ việc chia doanh nghiệp	x	
41	41	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp	x	
42	42	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp	x	
43	43	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên từ việc tách doanh nghiệp	x	
44	44	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp	x	
45	45	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp	x	
46	46	Hợp nhất doanh nghiệp(đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	x	
47	47	Sáp nhập doanh nghiệp(đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	x	
48	48	Chuyển đổi công ty TNHH thành công ty cổ phần	x	
49	49	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	x	
50	50	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	x	
51	51	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn	x	
52	52	Thông báo tạm ngừng kinh doanh	x	
53	53	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo	x	
54	54	Giải thể doanh nghiệp	x	
55	55	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	x	
56	56	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	x	
57	57	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	x	

58	58	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	x	
59	59	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	x	
60	60	Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp	x	
<b>Mục 2. Công ty TNHH 1 thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu</b>				
61	1	Thành lập công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập		x
62	2	Hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập. hoặc được giao quản lý		x
63	3	Chia, tách công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc được giao quản lý		x
64	4	Tạm ngừng kinh doanh công ty TNHH một thành viên		x
65	5	Giải thể công ty TNHH một thành viên		x
<b>Mục 3. Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp xã hội</b>				
66	1	Thông báo Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	x	
67	2	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	x	
68	3	Thông báo chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	x	
69	4	Thông báo tiếp nhận viện trợ, tài trợ	x	
70	5	Thông báo thay đổi nội dung tiếp nhận viện trợ, tài trợ	x	
71	6	Công khai hoạt động của doanh nghiệp xã hội	x	
72	7	Cung cấp thông tin, bản sao Báo cáo đánh giá tác động xã hội và Văn bản tiếp nhận viện trợ, tài trợ	x	
73	8	Chuyển cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thành Doanh nghiệp xã hội	x	
<b>II</b>				
<b>LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ</b>				
74	1	Đăng ký Liên hiệp hợp tác xã	x	

75	2	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của Liên hiệp HTX	x	
76	3	Đăng ký khi Liên hiệp hợp tác xã chia	x	
77	4	Đăng ký khi Liên hiệp hợp tác xã tách	x	
78	5	Đăng ký khi Liên hiệp hợp tác xã hợp nhất	x	
79	6	Đăng ký khi Liên hiệp hợp tác xã sáp nhập	x	
80	7	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất)	x	
81	8	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện của Liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất)	x	
82	9	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký Liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	x	
83	10	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	x	
84	11	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (đối với trường hợp liên hiệp hợp tác xã giải thể tự nguyện)	x	
85	12	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	x	
86	13	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	x	
87	14	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã	x	
88	15	Tạm ngừng hoạt động liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	x	
89	16	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	x	
90	17	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã)	x	
91	18	Thay đổi cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã	x	
92	19	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Liên hiệp hợp tác xã	x	

93	1	Quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	x	
94	2	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	x	
95	3	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án không thuộc diện cấp giấy chứng nhận đầu tư)	x	
96	4	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	x	
97	5	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	x	
98	6	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	x	
99	7	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, nhà đầu tư, tên địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	x	
100	8	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)	x	
101	9	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	x	
102	10	Điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng chính phủ	x	
103	11	Chuyển nhượng dự án	x	
104	12	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế	x	
105	13	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài	x	
106	14	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		x
107	15	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		x
108	16	Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		x
109	17	Giãn tiến độ đầu tư	x	
110	18	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư		x
111	19	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư		x




112	20	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	x	
113	21	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	x	
114	22	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương	x	
115	23	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư	x	
116	24	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư	x	
117	25	Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài	x	
<b>Mục 2. Nguồn Viện trợ PCP nước ngoài</b>				x
118	1	Tiếp nhận dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)		x
119	2	Tiếp nhận dự án đầu tư sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)		x
120	3	Tiếp nhận chương trình sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)		x
121	4	Tiếp nhận nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN) dưới hình thức phi dự án		x
<b>Mục 3. Vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA, vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài</b>				x
122	1	Đề xuất và lựa chọn Đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ		x
123	2	Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản (UBND tỉnh)		x
124	3	Quyết định chủ trương đầu tư dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản (UBND tỉnh)		x
125	4	Lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản (UBND tỉnh)		x
126	5	Lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi		x

127	6	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư phi dự án		x
128	7	Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng		x
129	8	Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm		x
130	9	Thủ tục xác nhận chuyên gia		x
<b>Mục 4. Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn</b>				
131	1	Cấp quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ		x
<b>IV LĨNH VỰC ĐẦU THẦU</b>				
<b>Mục 1: Lựa chọn nhà đầu tư</b>				
132	1	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư		x
133	2	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư		x
<b>Mục 2: Đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)</b>				
134	1	Thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án của Nhà đầu tư		x
135	2	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhóm A, B, quan trọng quốc gia của Nhà đầu tư		x
136	3	Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		x
137	4	Điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		x
138	5	Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		x
<b>Mục 3. Đấu thầu lựa chọn nhà thầu</b>				
139	1	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu		x
140	2	Giải quyết kiến nghị kết quả lựa chọn nhà thầu		x
<b>Tổng cộng</b>			<b>107</b>	<b>35</b>

**Phụ lục 2**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN/KHÔNG THỰC HIỆN  
TIẾP NHẬN HỒ SƠ, TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT QUA DỊCH VỤ BƯU  
CHÍNH CÔNG ÍCH TRONG LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
CỦA UBND CẤP HUYỆN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1325 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2018  
của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)*



TT	Tên thủ tục hành chính	Tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích	
		Thực hiện	Không thực hiện
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘ KINH DOANH</b>		
1	1 Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	x	
2	2 Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	x	
3	3 Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	x	
4	4 Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	x	
5	5 Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	x	
<b>II</b>	<b>LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ</b>		
6	1 Đăng ký hợp tác xã	x	
7	2 Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã	x	
8	3 Đăng ký khi hợp tác xã chia	x	
9	4 Đăng ký khi hợp tác xã tách	x	
10	5 Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	x	
11	6 Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	x	
12	7 Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị mất)	x	
13	8 Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị mất)	x	
14	9 Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	x	

15	10	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	x	
16	11	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (Đối với trường hợp hợp tác xã giải thể tự nguyện)	x	
17	12	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	x	
18	13	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	x	
19	14	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	x	
20	15	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	x	
21	16	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	x	
22	17	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã)	x	
23	18	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	x	
24	19	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	x	
<b>III</b>		<b>LĨNH VỰC ĐẦU THẦU</b>		
25	1	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư		x
26	2	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư		x
27	3	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu		x
28	4	Giải quyết kiến nghị kết quả lựa chọn nhà thầu		x
<b>Tổng cộng</b>			<b>24</b>	<b>4</b>

Phụ lục 3

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN/KHÔNG THỰC HIỆN  
TIẾP NHẬN HỒ SƠ, TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT QUA DỊCH VỤ BƯU  
CHÍNH CÔNG ÍCH TRONG LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
CỦA UBND CẤP XÃ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2018  
của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)



TT	Tên thủ tục hành chính	Tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích		
		Thực hiện	Không thực hiện	
1	1	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu	x	
2	2	Giải quyết kiến nghị kết quả lựa chọn nhà thầu	x	
		<b>Tổng cộng</b>	<b>0</b>	<b>2</b>